**CHỦ ĐỀ 9: HÒA ĐIỆU VỚI TỰ NHIÊN**

(Đọc và Tiếng Việt: 8 tiết, Viết: 3 tiết, Nói và nghe: 2 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

1. Về kiến thức

- Tri thức Ngữ văn:

+ Thông tin cơ bản của văn bản thông tin

+ Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin; cách triển khai, vai trò của các chi tiết, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn văn bản

+ Đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc, luật lệ trong trò chơi hay hoạt động; đặc điểm chức năng của cước chú, tài liệu tham khảo.

- Giúp học sinh hiểu, biết cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin, thông qua những văn bản cụ thể nói cách sống hài hòa với tự nhiên, về trách nhiệm của chúng ta đối với việc bảo vệ tự nhiên.

2. Về năng lực

\* Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

\* Năng lực đặc thù

- Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin, vai trò của các chi tiết, cách triển khai, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn về văn bản.

- Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trò chơi hay hoạt động; chỉ ra mối quan hệ giữa các đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của cước chú và tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin; hiểu được ý nghĩa một số yếu tố Hán việt thông dụng và ý nghĩa của những tù có yếu tố Hán việt đó

- Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đich của nó.

- Bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.

3. Về phẩm chất:

- Trách nhiệm: tự nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc lựa chọn cách sống tôn trọng quy luật của tự nhiên, nương theo nhịp điệu của tự nhiên.

- Nhân ái, chan hòa thể hiện được thái độ yêu quý trân trọng cách sống hài hòa với thiên nhiên.

**THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Giáo án, bài giảng Powerpoint, máy tính, tranh ảnh minh họa về tác giả, tác phẩm.

- Phim tư liệu về một số cảnh thiên nhiên đẹp, phong tục tập quán của một số dân tộc…

- Giấy A1 hoặcbảng phụ để HS làm việc nhóm, phiếu học tập cá nhân

**TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**ĐỌC VĂN BẢN 1. THỦY TIÊN THÁNG MỘT (3 tiết)**

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG CHỦ ĐỀ**  |
| **Tổ chức hoạt động**  | **Hoạt động của học sinh**  | **Kết quả/ Sản phẩm học tập**  |
| GV tổ chức cho HS xem clip về thực trạng của việc biến đổi khí hậu, yêu cầu HS nêu cảm nhận.  | - HS xem video và nêu cảm nhận.  | + Thực trạng của việc biến đổi khí hậu+ Vấn đề bảo vệ môi trường là vô cùng cần thiết  |

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** **Hoạt động 2.1. Tìm hiểu *Giới thiệu bài học* và khám phá *Tri thức Ngữ văn***   |
| **Tổ chức hoạt động**  | **Hoạt động của học sinh**  | **Kết quả/ Sản phẩm học tập** |
| * GV tổ chức HS giới thiệu những bức tranh con người sống tôn trọng, hài hòa với tự nhiên để có được niềm hạnh phúc
* GV yêu cầu HS đọc lời đề từ
* khái quát về chủ đề bài học, thể loại.

  * GV hướng dẫn HS tìm hiểu Các cách triển khai ý tưởng và thông tin khác nhau cho một văn bản thông tin
* GV phát cho HS phiếu học tập để HS làm việc theo nhóm tìm hiểu Tri thức Ngữ văn về cách triển khai ý tưởng, thông tin cho một văn bản thông tin

- GV chốt cách triển khai ý tưởng, thông tin cho một văn bản thông tin- GV cung cấp cho HS 1 văn bản thuyết minh về trò chơi Bịt mắt bắt dê(bài thuyết minh cho video)- GV hỏi: nêu đối tượng được giới thiệu, qua văn bản em hiểu thêm được điều gì?- GV chốt:- GV yêu cầu HS đọc chú thích (1) trang 78: Min-ne-xô-ta: là một tiểu bang của Hoa kỳ, có biệt danh là vùng đất của vạn hồ- GV hỏi: Bộ phận chữ nhỏ ở cuối trang đó là gì? Có tác dụng gì?- GV hỏi: Tài liệu tham khảo là gì? Vị trí? Vai trò? | -1 HS đọc nhan đề bài học, lời đề từ, nội dung giới thiệu bài học.  - Đọc đoạn 1 để hiểu chủ đề bài học- Đọc đoạn 2 hiểu về thể loại- HS đọc Tri thức Ngữ văn*:* * HS làm phiếu học tập và trình bày theo nhóm (4 nhóm).

|  |  |
| --- | --- |
| STT | Các cách triển khai ý tưởng, thông tin cho một văn bản thông tin |
| 1 |  |
| 2 |  |
| 3 |  |
| 4 |  |
| 5 |  |

- HS nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến. HS đọc văn bảnHS đọc và trả lờiHS đọc và trả lời | **A- Giới thiệu chủ đề bài học và khám phá tri thức Ngữ văn** **I. Giới thiệu chủ đề bài học** - Chủ đề: HÒA ĐIỆU VỚI TỰ NHIÊN: hiểu biết, sống hài hòa với tự nhiên là điều cần thiết mà con người cần hướng đến- Thể loại chính của VB đọc hiểu: văn bản thông tin **II. Khám phá tri thức Ngữ văn** 1. Các cách triển khai ý tưởng và thông tin khác nhau cho một văn bản thông tin

|  |  |
| --- | --- |
| STT | Các cách triển khai ý tưởng, thông tin cho một văn bản thông tin |
| 1 | Trình tự thời gian |
| 2 | Nhân quả |
| 3 | Theo góc nhìn khác nhau |
| 4 | Tình bày từng bộ phận rồi khái quát vấn đề |
| 5 | … |

1. Văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động:

- VB thuyết minh trò chơi hoặc hoạt động giúp người đọc tham gia, thưởng thức, đánh giá trò chơi, hoạt động đó một cách thuận lợi. - Nội dung thuyết minh: cách tổ chức hoạt động (thời gian, địa điểm, số lượng người tham gia, các điều kiện…- Yêu cầu: câu văn ngắn gọn, dễ hiểu, có hình ảnh minh họa…3. Cước chú:- Khái niệm: Là chú thích một từ khó hiểu, nội dung chưa quen xuất hiện trong phần chính của trang đặt ở chân trang, cuối văn bản. Thường xuất hiện nhiều trong văn bản thong tin- Vai trò: người đọc nắm bắt được một cách chính xác những thông tin, thông điệp, ý nghĩa văn bản.4. Tài liệu tham khảo:- Khái niệm: Là những tài liệu mà người tạo lập văn bản tìm đọc và khai thác các thông tin cần thiết, có liên quan tới vấn đề được trình bày trong văn bản.- Vị trí: thường được ghi sau phần kết thúc của văn bản, có thể có nhiều đơn vị, được đánh số và sắp xếp theo một quy ước thống nhất.- Vai trò: người đọc có thể có được những nhận định ban đầu về độ tin cậy của nội dung thông tin trong văn bản hay giá trị chuyên môn, khoa học của văn bản. |

|  |
| --- |
| **Hoạt động 2.2. Khởi động – Trước khi đọc văn bản “Thủy tiên tháng Một”**  |
| **Tổ chức hoạt động**  | **Hoạt động của HS**  | **Kết quả/ Sản phẩm học tập**  |
| * GV dẫn dắt, yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc khi thời tiết có những biến đổi bất thường, đặc biệt là sự nóng lên toàn cầu.
* Dẫn dắt vào bài.
 | – HS chia sẻ suy nghĩ  | Tạo được không khí cởi mở khi chia sẻ và tâm thế tích cực tiếp nhận bài học.  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 2.3: Đọc văn bản “Thủy tiên tháng Một** | **” và tìm hiểu chung**  |
|  |  |
| **Tổ chức hoạt động**  | **Hoạt động của HS**  | **Kết quả/ Sản phẩm học tập**  |
| GV tổ chức cho HS đọc diễn cảm văn bản: - GV đọc mẫu bài: - GV hướng dẫn HS đọc nhấn mạnh vào các thông tin, số liệu- GV yêu cầu HS đọc theo nhóm -> đọc toàn bài. - GV yêu cầu HS làm phiếu

|  |  |
| --- | --- |
| Từ ngữ | Nội dung |
| Min-ne-xô-ta |  |
| Thoai-lai Dôn |  |
| Thái cực |  |
| Đồng nhất… |  |

- GV yêu cầu HS thuyết trình giới thiệu về tác giả, văn bản: Nêu những nét cơ bản- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức trên slide. |    - HS lắng nghe và lưu ý.   - HS đọc bài và chỉnh sửa giọng đọc theo nhóm; 3 HS đọc toàn bài. - HS thuyết trình; HS khác nhận xét, bổ sung.- HS ghi bài | **B- Đọc hiểu văn bản “Thủy tiên tháng Một”** **I. Đọc văn bản và tìm hiểu chung.** 1. **Đọc văn bản**

1. **Tìm hiểu chung về tác giả, văn bản**

1. Tác giả:

Thô-mát L. Phrít- man, sinh năm 1953 là nhà báo người Mỹ1. Văn bản:

- Xuất xứ:Trích Nóng, Phẳng, Chật (2008) nói về những thách thức lớn nhất mà hiện nay nước Mỹ đang đối mặt: khủng hoảng môi trường toàn cầu và việc đánh mất vị thế của một quốc gia dẫn đầu. “Thủy tiên tháng Một” nằm trong mục 5 (Sự bất thường của Trái Đất)- PTBĐ: nghị luận- Thể loại: Văn bản thông tin- Bố cục: (3 phần) + Phần 1 (từ đầu đến “nó còn là “sự bất thường của Trái Đất” nữa”): Cần hiểu thế nào về tình trạng biến đổi khí hậu. + Phần 2 (tiếp đến “toàn cầu…”): Biến đổi khí hậu và những tác động của nó. + Phần 3 (còn lại): Những báo cáo và con số đầy ám ảnh. |

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG 2.4 Khám phá văn bản** |
| **Tổ chức hoạt động**  | **Hoạt động của HS**  | **Kết quả/ Sản phẩm học tập**  |
| - GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động ? Hãy chọn trong đoạn 1 một cụm từ có thể khái quát được nội dung chính của vấn đề màtác giả muốn trao đổi?? Những cách gọi khác nhau của vấn đề?? Nhận xét về cách nêu vấn đề của tác giả?- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức trên slide. ***GV dẫn chuyển phần 2.*** - Chia nhóm (4 nhóm). Thời gian 8 phút- Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:? Vẽ sơ đồ (có sử dụng hình mũi tên) biểu thị mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện.? Sự bất thường của Trái đất” đã được tác giả làm sáng tỏ qua những bằng chứng nào? Tìm thêm những bằng chứng thực tế mà em biết được ?? Nhận xét về những tác động do biến đổi khí hậu gây ra?- GV nhận xét, chốt kiến thức trên slide. - GV hỏi học sinh.*? Hai đoạn cuối tác giả đã đưa vào rất nhiều số liệu, là những số liệu nào?**? Ý nghĩa của số liệu ấy?*- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời.GV Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức. *? Ý nghĩa nhan đề của văn bản.*GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). | - HS trả lời cá nhân- HS trả lời- HS khác nhận xét, bổ sung.  - Làm việc nhóm (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).- Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.   - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời.- Trả lời câu hỏi của GV.- Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời. | **II. Khám phá văn bản** 1. Thế nào là tình trạng biến đổi khí hậu?

- Nội dung chính: Sự biến đổi khí hậu- Cách gọi khác nhau: Sự nóng lên của trái đất, Sự bất thường của trái đất-> Cách nêu vấn đề trực tiếp, nhìn nhận từ các khía cạnh của vấn đế. 1. Biến đổi khí hậu và những tác động của nó

- Nguyên nhân của biến đổi khí hậu:+ Nhiệt độ trung bình toàn Trái Đất tăng.+Sự chênh lệch nhiệt độ hình thành, Trái Đất nóng hơn, tốc độ bay hơi.- Những tác động của nó.+ Thời tiết thay đổi bất thường và diễn ra với tốc độ nhanh: đợt nóng, hạn hán, tuyết rơi dày, bão lớn, lũ lụt, mưa to, cháy rừng, loài sinh vật biến mất, thủy tiên nở tháng 1.+ Thời tiết đồng thời tổn tại ở hai thái cực: nơi nắng hạn gay gắt; nơi mưa bão, lụt lội kinh hoàng.*\* Biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng nghiêm trọng, nặng nề, tiêu cực đến hệ sinh thái và đời sống con người.*1. Những báo cáo và con số đầy ám ảnh

- Báo cáo “ Sự bất thường của Trái Đất năm 2007”:+Bốn đợt giớ mùa, lũ lụt nặng nề ở Ấn Độ, Pa-ki-xtan...+ Vào tháng 5, sóng lớn cao 4,6 m tràn qua 68 đảo ở Man-đi-vơ...- Mùa hè 2008, hiện tượng thời tiết cực đoan vẫn diễn ra: + mưa lớn khiến trung tâm thành phố Xi-đa Ra-pit bị lụt.+ Mực nước sông cao hơn mặt nước biển 9,1 m (hơn kỉ lục cũ 1,8 m).*\* Những số liệu ấn tượng, đáng tin cậy, thuyết phục khiến người đọc ám ảnh và nhận thức được vấn đề biến đổi khí hậu vẫn còn tiếp tục diễn ra hết sức cực đoan.***\* Ý nghĩa nhan đề.**- Nhan đế ấn tượng, làm nảy sinh nhiều suy đoán, thể hiện sự quan sát thực tế của tác giả. - Sự biến đổi khí hậu đã dẫn đến bao nhiêu vận động dường như trái quy luật trong đời sống của muôn loài.- Từ đó kêu gọi mọi người luôn phải có ý thức bảo vệ Trái Đất, giảm thiểu và khắc phục hiện tượng biến đổi khí hậu để cuộc sống chúng ta ít bị đe dọa, tác động. |

|  |
| --- |
| **Hoạt động 2.5. Tổng kết**  |
| **Tổ chức hoạt động**  | **Hoạt động của học sinh**  | **Kết quả/ Sản phẩm học tập**  |
| GV yêu cầu- HS hoạt động cặp đôi. - Giao nhiệm vụ nhóm:*? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?**? Nội dung chính của văn bản “Hoa thủy tiên tháng một”?*GV:- Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các cặp đôi.- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. | HS- Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.- Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).- Đại diện cặp đôi lên báo cáo kết quả thảo luận, HS cặp đôi khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn. | **III. Tổng kết** **1. Nghệ thuật** - Nghệ thuật trình bày vấn đề theo quan hệ nhân quả giữa các phần trong văn bản. Đưa ra những số liệu chính xác, có căn cứ thuyết phục.**2. Nội dung**Văn bản đề cập đến vấn đề biến đổi khí hậu trên TĐ với những hiện tượng thời tiết cực đoan.  |
| **HOẠT ĐỘNG 3: VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC**  |
| **Tổ chức hoạt động**  | **Hoạt động của học sinh**  | **Kết quả/ Sản phẩm học tập**  |
| ***- GV hướng dẫn viết đoạn văn*** – GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu. (GV gợi ý hiện tượng sạt lở đất 2 bên bờ sông Hồng, Vào mùa đông dòng sông cạn nước…) | * HS đọc đề
* Xác định yêu cầu:

+ Về hình thức + Về nội dung  | Viết được đoạn văn đảm bảo yêu cầu: – Hình thức: Đoạn văn 5 – 7 câu – Nội dung: trình bày hiểu biết và suy nghĩ về tác động của biến đổi khí hậu ở vùng miền em đang sống |
|  ***- Đọc bài viết và nhận xét, đánh giá.***  |  * HS viết bài.

 * HS đọc bài viết của mình.
* Soi chiếu vào tiêu chí đánh giá.
* HS khác nhận xét, góp ý.
 | - Đánh giá được đoạn văn đã viết theo tiêu chí:  |
|   | ***Tiêu chí đánh giá*** |  |
| *1*  | *Dung lượng đoạn văn*  | *1.0đ*  |
| *2*  | *Giới thiệu hiện tượng biến đổi khí hậu*  | *3.0đ*  |
| *3*  | *Cảm nhận , suy nghĩ*  | *3.0đ*  |
| *4*  | *Giải pháp*  | *2.0đ*  |
| *5*  |  *Diễn đạt mạch lạc*  | *1.0đ*  |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG** |
| **Tổ chức hoạt động**  | **Hoạt động của học sinh**  | **Kết quả/ Sản phẩm học tập**  |
| GV nêu yêu cầu: ? Em hãy trình bày một số giải pháp để hạn chế sự tác động của biến đổi khí hậu*?*? Viết các khẩu hiệu, áp phích tuyên truyền Bảo vệ môi trườngGV nhận xét, bổ sung | - HS thực hiện nhiệm vụ |   |

**DẶN DÒ**

* HS hoàn thành bài tập
* HS chuẩn bị nội dung tiết: Thực hành tiếng Việt.

 **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  |
| **Tổ chức hoạt động**  | **Hoạt động của học sinh**  | **Kết quả/ Sản phẩm học tập**  |
| Trò chơi nối chữ

|  |  |
| --- | --- |
| 1.Đồng nhất | A.Tình trạng lệch hẳn về một phía gây lo ngại đối lập với sự hài hòa thông thường |
| 2.Cực đoan | B.Cùng một loại |
| 3. Hải lưu | C.Dòng chảy tạo nên do sự chuyển dịch các phân tử nước  |

 | HS tham gia  | 1B, 2A,3C |
| **HOẠT ĐỘNG 2: CỦNG CỐ KIẾN THỨC**  |
| **Tổ chức hoạt động**  | **Hoạt động của học sinh**  | **Kết quả/ Sản phẩm học tập**  |
| GV tổ chức cho HS làm phiếu bài tậpThảo luận cặp đôi, thời gian 5 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Cước chú | Tài liệu tham khảo |
| 1. Khái niệm |  |  |
| 2.Chức năng |  |  |
| 3. Cách trình bày |  |  |

GV quan sát, gợi ý HS (nếu cần)GV chốt kiến thức | HS làm phiếu bài tập số 1HS trình bày | 1. **Cước chú**
2. **Tài liệu tham khảo**

**(Phụ lục)** |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  |
| **Tổ chức hoạt động**  | **Hoạt động của học sinh**  | **Kết quả/ Sản phẩm học tập**  |
| GV tổ chức cho HS làm bài tậpBài tập 1. Yêu cầu làm cá nhânBài tập 2. Thảo luận nhóm 4 HSBài tập 3, 4. HS trả lời cá nhânBài tập 5. Yêu cầu làm bài cá nhânBài tập 6. Thảo luận cặp đôiGV chốt kiến thức | HS làm bài tập số 1HS trình bày |  |

**\* Cước chú:**

**Bài 1 (trang 83 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 2 ):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Từ ngữ được giải thích nghĩa | Đối tượng được cung cấp thông tin về xuất xứ | Sự vật, hiện tượng được miêu tả, giải thích |
| - Thái cực- Đồng nhất- Cực đoan | - Ảnh của Quốc Trung- Ảnh của China News, báo điện tử Thế giới và Việt Nam đăng lại ngày 21/8/2020 | - Min-nét-xô-ta- Dòng hải lưu- Nước trồi |

**Bài 2 (trang 83 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 2 ):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Các thành phần của cước chú | Vị trí đặt cước chú | Nội dung cước chú | Ngôn ngữ của cước chú |
| - Kí hiệu đánh dấu đối tượng được chú thích- Kí hiệu đánh dấu đối tượng được chú thích- Kí hiệu đánh dấu đối tượng được chú thích | - Chân trang  - Chân trang  - Chân trang | - Giải thích nghĩa của từ ngữ - Giải thích nghĩa của sự vật - Giải thích nghĩa của hiện tượng | - Ngắn gọn  - Ngắn, dễ đọc  - Ngắn, dễ hiểu |

**Bài 3 (trang 83 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 2):**

- Theo em, cần có thêm cước chú cho: “truyện khoa học viễn tưởng”, “chu kì tuần hoàn của nước”, “kỉ lục”

- Lí do: có thể nhiều người vẫn chưa biết nghĩa của những từ ngữ này

**Bài 4 (trang 83 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 2):**

- Truyện khoa học viễn tưởng là một thể loại tiểu thuyết hư cấu mang các yếu tố khoa học. Nó còn được gọi là "văn học về ý tưởng" và thường khám phá hoặc dự đoán những hệ quả, hậu quả tiềm tàng của những đổi mới trong khoa học, xã hội và công nghệ.

**\* Tài liệu tham khảo**

**Bài 5 (trang 83 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 2):**

- Ông đã trích dẫn tài liệu tham khảo để làm dẫn chứng xác thực hơn cho bài viết

- Nhờ đó, tạo được sự tin cậy, thuyết phục được người đọc về vấn tác giả nêu ra

**Bài 6 (trang 83 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 2):**

- Theo em, sự khác nhau là:

+ Tác giả Thô-mát L. Phrít-man thì ghi nguồn tài liệu tham khảo ở ngay các đoạn có thông tin được trích dẫn

+ Còn trong ví dụ thì nguồn tài liệu tham khảo lại được trích dẫn lại được để ở riêng một phần khác

- Trong hai cách ghi đó, cách ghi nguồn tài liệu tham khảo ở riêng một phần khác, thường là ở cuối sách, được sử dụng phổ biến hơn trên sách báo hiện nay.

**Bài 7 (trang 84 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 2):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Thông tin được viện dẫn và tài liệu tham khảo đã sử dụng | Tác dụng của việc viện dẫn thông tin và sử dụng tài liệu tham khảo |
| 1 | - Giải thích cụm từ “Sự bất thường của Trái Đất”(Tài liệu tham khảo: Hân-tơ Lo-vin) | - Tăng tính xác thực cho thông tin |
| 2 | - Thuật ngữ “sự nóng lên của Trái Đất” là một sự nhầm lẫn(Tài liệu tham khảo: Giôn Hô-đơ-rơn) | -Tăng tính dễ hiểu, xác thực cho thông tin |
| 3 | - Nói về sự bất thường của Trái Đất(Tài liệu tham khảo: Trang CNN. Com (ngày 07/8/2007) | -Tăng tính dễ hiểu, xác thực cho thông tin |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức hoạt động**  | **Hoạt động của học sinh**  | **Kết quả/ Sản phẩm học tập**  |
| GV tổ chức cho HS điền bảng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| stt | Từ ngữ, đối tượng cần ghi cước chú | Nội dung cước chú |
| 1 | Thông điệp |  |
| 2 | Sứ mệnh |  |
| 3 | Người đồng mình |  |
| 4 | Dự phòng |  |
| 5 | Tĩnh tâm |  |

GV chốt kiến thức | HS thực hiện cá nhânHS trình bày |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Cước chú | Tài liệu tham khảo |
| 1. Khái niệm | - Cước chú là loại chú thích đặt ở chân trang hoặc cuối văn bản về một từ ngữ khó hiểu hay một nội dung chưa quen với phần lớn độc giả, vốn xuất hiện trong phần chính của trang hoặc của văn bản. |  Tài liệu tham khảo là những tài liệu mà người tạo lập văn bản tìm đọc và khai thác các thông tin cần thiết, có liên quan tới vấn đề được trình bày trong văn bản.  |
| 2.Chức năng | - Nhờ cước chú, người đọc có thêm điều kiện để nắm bắt được một cách chính xác những thông tin, thông điệp, ý nghĩa của văn bản.  | - Thông qua danh mục tài liệu tham khảo được tác giả ghi lại, người đọc có thể có được những nhận định bước đầu về độ tin cậy của nội dung thông tin trong văn bản hay giá trị chuyên môn, khoa học của văn bản. |
| 3. Cách trình bày | - Đánh dấu từ ngữ, nội dung cần được chú thích bằng chữ số hoặc hoa thị- Ở chân trang hoạc cuối văn bản lần lượt chú thích từng tù ngũ, nội dung được đánh dấu | - Tài liệu tham khảo thường được ghi sau phần kết thúc của văn bản, có thể có nhiều đơn vị, được đánh số và sắp xếp theo một quy ước thống nhất. - Đặt trong dấu ngoặc kép đoạn trích dẫn- Nêu thông tin về họ, tác giả của ý kiến, nhận định được trích dẫn- Ghi đầy đủ tên tài liệu được trích dẫn, nơi sản xuất, thời gian xuất bản… |

**DẶN DÒ**

* HS hoàn thành bài tập

HS chuẩn bị nội dung văn bản: “Lễ rửa làng của người Lô Lô”

**ĐỌC VĂN BẢN 2. LỄ RỬA LÀNG CỦA NGƯỜI LÔ LÔ**

(Phạm Thùy Dung)

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV sử dụng các câu hỏi và gợi ý ở phần *Trước khi đọc* để dẫn dắt HS vào nội dung chính của bài học một cách tự nhiên:

GV trình chiếu cho HS xem đoạn phim ngắn về trò chơi dân gian cho trẻ em nhân dịp Trung thu và yêu cầu HS nêu nhận xét về những gì được nghe, thấy xung quanh việc giời thiệu:

<https://www.youtube.com/watch?v=CKchGFxL0EI>

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS nghe GV nêu yêu cầu, xem video, suy nghĩ và chia sẻ câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời của các em trước lớp, HS khác lắng nghe và bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV tổng hợp ý kiến, nhận xét và đánh giá HS

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Chúng ta chắc hẳn nhớ tên một số vị thần người Việt xưa thờ cúng, điều đó biểu thị sự tôn trọng đối với các lực lượng tự nhiên như thần Đất, thần Rừng, thần Sông, thần Biển, thần Cây,… Ngoài ra, chúng ta nên nhớ rằng một số lễ tục vẫn còn được duy trì đến ngày hôm nay, điều đó lại một lần nữa cho thấy cách ứng xử đầy nhân văn của tổ tiên xưa đối với những ân huệ mà tự nhiên ban tặng cho con người như lễ cúng cơm mới, lễ cầu mưa, lễ cầu ngư,… Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu một lễ tục vô cùng độc đáo trong văn bản****Lễ rửa làng của người Lô Lô.***

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS đọc to VB trước lớp.- GV lưu ý về cách đọc: nhấn mạnh những câu in nghiêng ở phần mở đầu VB, bộc lộ thái độ thích thú, ngạc nhiên trước phần dẫn giải về lễ tục, sử dụng giọng rành rẽ, khúc chiết khi thể hiện các đoạn miêu tả từng bước thực hành lễ tục,…- GV nhắc HS không bỏ qua các thẻ gợi ý về chiến lược đọc đặt bên phải của VB để có thể lĩnh hội thông tin một cách chủ động, hiệu quả.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS đọc diễn cảm văn bản theo yêu cầu, hướng dẫn của GV.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**.- GV gọi một vài HS đọc trước lớp, HS còn lại lắng nghe và nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung****1. Đọc văn bản** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS chú ý phần chú thích và nhan đề của tác phẩm.- GV yêu cầu HS giải thích từ khó- GV hỏi HS giải thích về nhan đề của tác phẩm. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi và yêu cầu của GV.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**.- GV gọi một vài HS trả lời trước lớp, HS còn lại lắng nghe và nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.GV chia sẻ thông tin: Hàng năm vào xuân thu nhị kỳ, các làng xung quanh đền Hùng đều mở hội với mục đích là cầu mong mùa màng, con người, con của được sinh sôi nảy nở cho đông đàn dài lũ, ngô lúa đầy cót đầy bồ. Lễ hội đó chính là **phồn thực**- là tín ngưỡng của các cộng đồng trồng lúc nước. “Phồn thực” chính là từ nói về sự sinh trưởng, sinh sôi nảy nở. | **2. Tìm hiểu chú thích**- Giải nghĩa một số từ khó: hình nhân, phong quang, linh nghiệm,…*- Nhan đề:* Lễ rửa làng của người Lô Lô.⭢ Tập tục của người Lô Lô khi xong xuôi mùa vụ, cầu mong một cuộc sống ấm no. Đó là nội dung chính văn bản tập trung tái hiện. |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV hỏi HS những đặc điểm cần lưu ý của văn bản thuyết minh.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi và yêu cầu của GV.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**.- GV gọi một vài HS trả lời trước lớp, HS còn lại lắng nghe và nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | **3. Cách đọc hiểu văn bản thuyết minh**- Xác định đối tượng được thuyết minh. Văn bản thuyết minh trung thành với đặc điểm của sự vật, đối tượng. - Xác định đặc điểm của đối tượng thuyết minh thông qua các luận điểm.- Ngôn từ: chính xác, dễ hiểu, ít dùng so sánh, liên tưởng.- Dẫn chứng: dùng số liệu, thông tin cụ thể. |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV hỏi HS về đối tượng thuyết minh, ngôn ngữ thuyết minh, hình ảnh trong văn bản**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi và yêu cầu của GV.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**.- GV gọi một vài HS trả lời trước lớp, HS còn lại lắng nghe và nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | **II – Khám phá văn bản****1. Đặc điểm của văn bản thuyết minh**- Đối tượng thuyết minh: lễ rửa làng của người Lô Lô**-** Ngôn ngữ: dễ hiểu, chính xác, ít dùng so sánh, liên tưởng- Hình ảnh chính xác.- Thuyết minh chi tiết về lễ rửa làng: từ thời điểm được chọn để tổ chức, dẫn dắt người đọc vào thông tin chính, những việc cần chuẩn bị cho ngày lễ, đến những quy định nghiêm ngặt, …. |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV hỏi HS những đặc điểm cần lưu ý của văn bản thuyết minh.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi và yêu cầu của GV.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**.- GV gọi một vài HS trả lời trước lớp, HS còn lại lắng nghe và nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | **2. Đặc điểm của người Lô Lô**- Người Lô Lô là một trong những dân tộc thiểu số có số dân ít nhất tại Việt Nam. - Họ thường sống tập trung trong các bản làng cố định. - Ngoài những lúc làm lụng vất vả, họ thường quây quần bên nhau để tổ chức nghi thức cổ truyền hướng về nguồn cội. ⭢ tính cộng đồng.⭢ Lễ rửa làng chính là một trong những ngày lễ tiểu biểu của người Lô Lô. Họ cùng nhau ngồi lại chọn thời điểm tổ chức lễ. Rồi lại đoàn kết cùng nhau chuẩn bị cho ngày lễ. Người Lô Lô còn rất cẩn thận, chỉn chu trong việc chọn đồ lễ. |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV chia lớp làm 3 nhóm. Lần lượt các nhóm sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn để trả lời các câu hỏi sau đây trong vòng 5 phút:?1: Em hãy nêu thời điểm diễn ra lễ rửa làng. Người dân đã chuẩn bị cho buổi lễ như thế nào??2: Tìm những chi tiết về diễn biến của lễ rửa làng.- GV hỏi về ý nghĩa của hoạt động lễ rửa làng.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi của GV.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**.- GV gọi một HS đại diện nhóm trả lời trước lớp, HS còn lại lắng nghe và nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | **3. Đặc điểm lễ rửa làng của người Lô Lô**- Thời điểm diễn ra lễ rửa làng: Cứ ba năm một, vào tháng 5 hoặc 6 âm lịch- Những việc cần chuẩn bị cho ngày lễ:+ Chuẩn bị lễ vật: thẻ hương, chén nước, giấy trúc, con gà trống+ Tối hôm trước, thầy cúng sẽ thắp hương rồi đặt giấy trúc và chén nước xuống góc nhà khấn xin tổ tiên đồng ý cho tổ chức lễ+ Lễ cúng vào ngày hôm sau gồm: một thầy cúng chính, một thầy cúng phụ, một số nam giới.- Diễn biến hoạt động:+ Đoàn người thực hiện lễ cúng vào ngày hôm sau gồm: một thầy cúng chính, một thầy cúng phụ và một số nam giới trong làng+ Đoàn người cùng nhau đi khắp các nhà, vừa đi vừa gõ chiêng trống rộn ràng + Họ mang theo nhiều đồ lễ như: dê, gà, rượu ngô, cỏ, …+ Hoạt động tự do: quần tụ, uống rượu mừng, ăn tiệc,…- Ý nghĩa hoạt động:+ Tác động tinh thần tích cực với người dân: Xong phần lễ, mọi người thấy nhẹ nhõm hơn và tin tưởng vào một tương lai tươi sáng phía trước.+ Lễ rửa làng của người Lô Lô đã góp phần làm giàu có thêm cho bản sắc của cộng đồng dân tộc thiểu số Việt Nam. |

**HOẠT ĐỘNG TỔNG KẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chuyển giao nhiệm vụ*+ Theo em, chủ đề của văn bản là gì?**+ Nghệ thuật được thể hiện qua văn bản?* - HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- GV quan sát, hướng dẫn- HS suy nghĩ**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trả lời câu hỏi, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Tổng kết****1. Nội dung** - Một nét sinh hoạt văn hóa, tập tục của người dân tộc thiểu số - lễ rửa làng của người Lô Lô**2. Nghệ thuật**- Sử dụng liệt kê, ngôn từ trong sáng, dễ hiểu |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- Viết kết nối với đọc: Viết đoạn văn (5-7 câu) nêu cảm nhận của em về những giá trị sống được bộc lộ qua lễ rửa làng của người Lô Lô.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập****Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**.- GV gọi một vài HS trả lời trước lớp, HS còn lại lắng nghe và nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **Đoạn văn hoàn chỉnh của HS** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**Em hãy vẽ một bức tranh về một sinh hoạt văn hóa mà em được biết hoặc được chứng kiến, tham gia.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập****Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**.- GV gọi một vài HS trả lời trước lớp, HS còn lại lắng nghe và nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **Sản phẩm tranh vẽ của HS** |

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**NGHĨA CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT THÔNG DỤNG**

**VÀ NGHĨA CỦA NHỮNG TỪ CÓ YẾU TỐ HÁN VIỆT ĐÓ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt động 1: Khởi động** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu câu hỏi: Vì sao các câu sau lại sử dụng từ Hán Việt mà không sử dụng các từ thuần Việt có nghĩa tương đương?Câu 1: Ông ấy đã **từ trần**. (chết)Câu 2: Xin kính mời các vị khách quý **an tọa. (**ngồi xuống)**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở- HS thực hiện nhiệm vụ;**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận****-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 1-2 hs trình bày ản phẩm- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | Các câu sử dụng từ Hán Việt mà không sử dụng các từ thuần Việt có nghĩa tương đương vì cần thể hiện sắc thía trang trọng trong ngữ cảnh giao tiếp cụ thể |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Gv chuyển giao nhiệm vụ*+ Yếu tố Hán việt là gì? Từ Hán Việt là gì?**+ Cần có lưu ý gì khi sử dụng yếu tố Hán Việt và từ Hán Việt?*- HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- GV quan sát, hỗ trợ- HS thực hiện nhiệm vụ**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  | Tìm hiểu lý thuyết- Yếu tố Hán Việt là những yếu tố ngôn ngữ mượn ở tiếng Hán, phát âm theo cách Việt Nam. Các yếu tố Hán việt là sản phẩm của quá trình giao lưu, tiếp xúc ngôn ngữ, văn hóa Việt – Hán- Các yếu tố Hán Việt thông dụng tạo thành những từ Hán Việt được sử dụng quen thuộc trong ngôn ngữ hàng ngày của chúng ta hiện nay. - Khi sử dụng các yếu tố Hán Việt và các từ Hán Việt cần lưu ý đúng lúc, đúng chỗ. Nếu lạm dụng sẽ gây khó chịu, không phù hợp. |
| **Hoạt động 3: Luyện tập** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chuyển giao nhiệm vụ:GV hướng dẫn học sinh hoàn thành bài tập:Bài tập 1: - Tách “tín ngưỡng” thành hai yếu tố: “tín” và “ngưỡng”Bài tập 2: Hoàn thành thông tin theo bảng- Hs đọc yêu cầu và thực hiện cá nhân- HS tiếp nhận nhiệm vụ**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm - GV quan sát, gợi mở**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS báo cáo sản phẩm- GV quan sát, hỗ trợ**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  | **Bài tập 1:**- “tín”: tin tưởng - “ngưỡng”: kính mến=> Tín ngưỡng: tin theo một tôn giáo hoặc một giá trị thiêng liêng nào đó.- Khi không có từ điển, có thể tách từ đó ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét. Tập hợp những từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách ở trên và xếp chúng vào các nhóm khác nhau. Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mõi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó, bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu.**Bài tập 2**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Từ cần xác định nghĩa | Những từ khác có yếu tố Hán Việt tương tự | Nghĩa của từng yếu tố | Nghĩa chung của từ |
| Bản sắc | Bản | Bản chất, bản lĩnh, nguyên bản, … | Bản: gốc, vốn có, từ trước | Bản sắc: sắc thái nguyên gốc, tự nhiên |
| Sắc | Sắc thái, sắc độ, sắc tố, … | Sắc: màu sắc, vẻ |
| Ưu tư | Ưu  | Ưu phiền, ưu sầu | Ưu: lo, buồn rầu | Ưu tư: lo nghĩ |
| tư | Tâm tư, suy tư, trầm tư, tư lự | Tư: nghĩ ngợi, suy nghĩ |
| Truyền thông | Truyền | Lưu truyền, thất truyền, truyền bá, truyền đạt | Truyền: truyền lại, trao cho | Truyền thông: trao đổi thông tin |
| thông | Thông thạo, thông tin, thông minh | Thông: thông tin |

 |
| **Hoạt động 4: Vận dụng** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:GV nêu yêu cầu: Tìm hiểu nghĩa của những yếu tố Hán Việt được ghi cước chú: *đồng nhất, hải lưu, định kì, linh nghiệm, kí giả*.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở- HS thực hiện nhiệm vụ;**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận****-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày ản phẩm- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **- Đồng nhất:** cùng là một, không khác nhau (đồng: cùng, nhất: một, thứ nhất)- **Hải lưu**: dòng nước biển (hải: biển, lưu: dòng nước)- **Định kì**: thời hạn đã có sẵn, không thay đổi (định: không sửa đổi, kì: thời kì, lúc)- **Linh nghiệm**: Sự việc xảy ra đúng như lời cầu xin hoặc lời đoán trước- **Kí giả**: Người viết báo, nhà báo (kí: ghi chép, giả: người) |

**ĐỌC VĂN BẢN 3: BẢN TIN VỀ HOA ANH ĐÀO (1 tiết)**

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG CHỦ ĐỀ**  |
| **Tổ chức hoạt động**  | **Hoạt động của học sinh** | **Kết quả/ Sản phẩm học tập**  |
| GV tổ chức cho HS quan sát, lắng nghe video về bài hát “ ***Ai lên xứ hoa đào”*** *? Cho biết nội dung của video trên? Những thông tin từ video cung cấp gợi cho em cảm xúc gì?* | - HS xem video và nêu cảm nhận.  |  - Bài hát ca ngợi hoa anh đào ở Đà Lạt.- Gợi cảm xúc yêu mến, tâm trạng mộng mơ, mong muốn được lên Đà Lạt để tận hưởng vẻ đẹp của hoa anh đào. |

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** **Hoạt động 2.1. Đọc văn bản “Bản tin về hoa anh đào” và tìm hiểu chung**  |
| **Tổ chức hoạt động**  | **Hoạt động của học sinh**  | **Kết quả/ Sản phẩm học tập** |
| GV tổ chức cho HS đọc diễn cảm văn bản: - GV đọc mẫu bài: - GV hướng dẫn HS đọc - GV yêu cầu HS đọc theo nhóm -> đọc toàn bài. Lưu ý cước chú- GV yêu cầu HS thuyết trình giới thiệu về tác giả, văn bản: Nêu những nét cơ bản- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức trên slide.GV bổ sung kiến thức về thể loại tản vănTản văn là loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc, có thể trữ tình, tự sự, nghị luận, miêu tả phong cảnh, khắc họa nhân vật. | - HS đọc bài và chỉnh sửa giọng đọc theo nhóm; 2 HS đọc toàn bài.- HS thuyết trình; HS khác nhận xét, bổ sung.- HS ghi bài | **I. Đọc, tìm hiểu chung****1. Tác giả**- Nguyễn Vĩnh Nguyên sinh năm 1979, quê ở Ninh Thuận- Ông là nhà thơ, nhà văn, nhà báo, tác giả nhiều cuốn sách về Ðà Lạt.- Một số tác phẩm nổi tiếng: Tản vãn *Với Ðà Lạt, ai cũng là lữ khách*, du khảo Ðà Lạt**2. Tác phẩm****- Thể loại:** thuộc thể loại tản văn**- Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác**: + Trích ra từ cuốn sách *với Đà Lạt ai cũng là lữ khách*. Đưa ra những cảm nhận, hoài niệm của tác giả về xứ sở sương mù Đà Lạt, những kiếp người lặng lẽ sống , nhưng vẫn có khát vọng mãnh liệt**- Bố cục:** 3 phần + Phần 1 Từ đầu…*khi Đà Lạt giao mùa Đông-Xuân* : Giới thiệu về người bạn kí giả của tác giả+ Phần 2 Tiếp theo…*cuộc vận động rộn ràng nhất thời:* nói về bản tin hoa anh đào+ Phần 3 Còn lại : tác giả mong ước trong tương lai có nhiều bản tin về loài hoa hơn- Phương thức biểu đạt:  tự sự, biểu cảm, bình luận |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** **Hoạt động 2.2. Khám phá văn bản “Bản tin về hoa anh đào”**  |
| **Tổ chức hoạt động**  | **Hoạt động của học sinh**  | **Kết quả/ Sản phẩm học tập** |
| **GV:***Yêu cầu HS đọc kỹ văn bản và điền nội dung. Hoạt động nhóm đôi (4 phút)*

|  |  |
| --- | --- |
| Thời gian xuất hiện:  |  |
| Nội dung bản tin thay đổi theo từng năm: |  |
| Những khó khăn của người bạn tác giả khi mới viết 1 tin lạ: |  |

**GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản.**GV:** Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).GV yêu cầu HS đổi chéo phiếu, nhận xét, bổ sungGV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, kết nối với mục sau.**GV tổ chức hoạt động**- Chia nhóm (4 nhóm).- Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:? Trình bày cảm nhận của em về suy nghĩ của tác giả?**GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).**GV**:- Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá. - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).-Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.? Hãy làm rõ sự đồng điệu về tâm hồn giữa tác giả và nhân vật được nói đến trong bài tản văn? | - Đọc SGK, tìm các thông tin được tác giả giới thiệu trong đoạn văn 1.- Suy nghĩ cá nhân.**HS** :- Trả lời câu hỏi của GV.- Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.- Làm việc nhóm (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).- Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.- Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.- Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạnHS khá, giỏi trả lời | **II. Khám phá văn bản****1. Bản tin hoa anh đào.**- Thời gian xuất hiện+ Mỗi năm một lần, vào tháng Chạp- Nội dung của bản tin thay đổi theo từng năm*+ Viết như một bài thơ với niềm hưng khởi, hân hoan, loan báo rằng hoa sẽ nở rộ vào tháng tới**+ Bản tin dự báo hoa nở muộn, chóng tàn vì thời tiết bất lợi**+ Có năm kể lể về gốc anh đào cổ thụ đứng ở góc đường nào đó trong thành phố vừa bị đốn hạ*- Những khó khăn đầu tiên của người bạn tác giả khi mới viết một bản tin lạ+ Người viết tin không biết nên bắt đầu từ đâu+ Anh vẫn đưa ra quyết định: *phải làm cho hoa anh đào bình đẳng với các bản tin khác trên đời.***2.Ý kiến của tác giả về bản tin hoa anh đào**- Suy nghĩ của tác giả về bản tin+ Việc bản tin mỗi năm xuất hiện một lần theo tác giả vô cùng ý nghĩa+ Ý nghĩa tư duy trong nghề làm báo+ Bản tin mang đến  sức lan tỏa lớn đến mọi người+ Tác giả muốn trong tương lai có nhiều bản tin về hoa tiếp theo+ Mong muốn những bản tin rối rắm của xã hội bằng các bản tin về các loài hoa- Tâm hồn của con người sẽ được thanh lọc, thoải mái hơn\* Đặc trưng của bài tản văn:- Tác giả đặt mình vào vị trí người đọc: tác giả hân hoan chờ đợi các bản tin về hoa anh đào- Tác giả đạt mình vào vị trí người viết: tác giả có những suy tư, trăn trở |
| **Hoạt động 2.3. Hoạt động tổng kết**  |
| **Tổ chức hoạt động**  | **Hoạt động của học sinh**  | **Kết quả/ Sản phẩm học tập** |
| ? GV nêu khái quát thông điệp chính mà tác giả muốn gửi tớiGV định hướng | HS suy nghĩ, trả lời | **III. Thông điệp**- Hãy nâng niu, trân trọng từng vẻ đẹp của thiên nhiên- Điều chỉnh thái độ sống để có được niềm vui, hạnh phúc khi giao hòa với thiên nhiên- Người làm báo cần biết lựa chọn và đưa thông tin đến độc giả |

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG** |
| **Tổ chức hoạt động**  | **Hoạt động của học sinh**  | **Kết quả/ Sản phẩm học tập**  |
| *? Em hãy trình bày một số cảm nhân của em về loài hoa em yêu thích ?*- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.- Chốt kiến thức. | HS suy nghĩ, trả lời- HS trình kết quả |  |

**DẶN DÒ**

* HS hoàn thành bài tập
* HS chuẩn bị nội dung tiết: Thực hành tiếng Việt.

**VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH MỘT QUY TẮC HOẶC MỘT LUẬT LỆ TRONG TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** |  |  |  |  | **B** | **Ị** | **T** | **M** | **Ắ** | **T**  | **B** | **Ắ** | **T** | **D** | **Ê** |
| **2** |  |  |  |  |  | **T** | **H** | **Ả** | **D** | **I** | **Ề** | **U** |  |  |  |
| **3** |  | **C** | **H** | **Ơ** | **I** | **Đ** | **U** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** |  |  |  | **N** | **H** | **Ả** | **Y** | **B** | **A** | **O** | **B** | **Ố** |  |  |  |
| **5** |  |  |  |  |  | **T** | **Ế** | **T** |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** |  |  |  |  |  |  | **T** | **H** | **Ổ** | **I** | **C** | **Ơ** | **M** |  |  |
| **7** | **T** | **R** | **Ố** | **N** | **T** | **Ì** | **M** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **8** |  |  |  |  |  | **Đ** | **I** | **C** | **À** | **K** | **H** | **E** | **O** |  |  |
| **9** |  |  |  | **Đ** | **Ậ** | **P** | **N** | **I** | **Ê** | **U** |  |  |  |  |  |
| **10** |  | **C** | **H** | **Ơ** | **I** | **C** | **H** | **U** | **Y** | **Ề** | **N** |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG**  | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| - Gv chuyển giao nhiệm vụ**Cách 1:** Gv tổ chức trò chơi ô chữ bí mậtCâu 1: Đây là trò chơi trong đó một người chơi sẽ bị bịt mắt và cố gắng bắt những người khác trong một phạm vi sân chơi giới hạn. Người bị bắt sẽ thua cuộc và phải thế chỗ cho người bắt.Câu 2: Sắp xếp các kí tự sau để thành tên một hoạt động vui chơi trong dịp hè của trẻ em vùng nông thôn ả/h/t/u/ề/i/dCâu 3: Trò chơi diễn ra vào mùa xuân, sử dụng đu quay làm công cụ, người chơi thể hiện sự khéo léo, mạnh mẽ của mình.Câu 4: Sắp xếp các kí tự sau để thành tên một trò chơiả/o/a/b/b/n/h/y/ốCâu 5: Đây là một dịp được mong đợt nhất trong năm của người Việt Nam.Câu 6: Đây là tên một hội thi nổi tiếng ở Đồng Vân?m/t/ơ/h/ổ/c/iCâu 7: Cũng gọi là **chơi 5-10** là trò chơi phổ biến của trẻ em, số lượng người chơi không hạn chế (nhưng ít nhất là ba). Mục đích là một người đi tìm còn những người kia lẩn trốn.Câu 8: Trò chơi dùng 2 cây tre, trên đó cột hai cái khấc cũng bằng [tre](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tre) làm bàn đạp để đứng lên đó đi thay chân. Câu 9: Trò chơi treo một chiếc niêu đất lên và nhiệm vụ của người chơi là phải đập vỡ nó với một chiếc gậy. Câu 10: Trò chơi còn gọi là chơi chắt, dùng 1 quả bóng tung lên nhặt lấy que chuyền rồi chụp bóng.- GV nhận xét, đánh giá*GV dẫn dắt vài bài:* Các từ khóa hàng ngang các em vừa tìm được đó chính là những trò chơi hoặc hoạt động. Vậy làm thế nào để viết được bài văn thuyết minh về các quy tắc, luật lệ trong các trò chơi hay hoạt động đó?  | HS nghe và xung phong trả lời | Học sinh tham gia trò chơi hào hứng |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***NV: Gv hướng dẫn học sinh tìm hiểu yêu cầu đối vói bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động***- Gv chuyển giao nhiệm vụ*+ Bài văn thuyết minh một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động cần đáp ứng những yêu cầu gì?****+*** *Tại sao phải giới thiệu hoàn cảnh diễn ra và đối tượng tham gia trò chơi hay hoạt động?****+*** *Khi tham gia trò chơi hay hoạt động, việc tìm hiểu ý nghĩa của nó có tác dụng gì?* - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - Hs quan sát, suy nghĩ- Gv quan sát, hỗ trợ- HS trình bày; | **I. *Yêu cầu đối vói bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động***- Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động (hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia)- Miêu tả được quy tắc hoặc luật lệ trò chơi hay hoạt động, nêu rõ trình tự các bước cần thực hiện trong trò chơi hay hoạt động đó.- Nêu được vai trò của trò chơi hay hoạt động đó với con người.- Nêu được ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đó. |

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV**  | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV: Hướng dẫn học sinh phân tích mẫu**- GV giới thiệu: Bài viết tham khảo giới thiệu về trò chơi: Chơi chuyền. Bài viết thông tin một cách tương đối chi tiết về quy tắc (cách chơi), luật lệ, tác dụng và ý nghĩa của trò chơi.Cho HS xem video về trò chơi chuyền để HS dễ hình dung khi đọc bài tham khảo.- GV yêu cầu HS thảo luận theo những câu hỏi sau:*+ Người viết giới thiệu đối tượng tham gia và hoàn cảnh diễn ra như thế nào?**+ Những chi tiết nào giới thiệu về quy tắc (cách chơi)**+ Chi tiết nào nói lên luật lệ trò chơi?**+ Tác dụng của trò chơi?**+ Ý nghĩa của trò chơi?*- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi- Gv quan sát, hỗ trợ- HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.- HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. | **II. Phân tích bài viết tham khảo**+ Đối tượng: những bạn gái; không gian: đầu ngõ, dưới bóng tre, góc sân nhà.+ Quy tắc: từ 2 – 6 người, đồ chơi gồm 10 que, 1 quả bóng; người chơi tung quả bóng đồng thời nhặt que chuyền, đi từ bàn 1 đến bàn 10, mỗi bàn có một bài đồng dao khác nhau; hết 10 bàn và 1 vòng tính là một ván.+ Luật lệ: khi đến lượt chuyền, không bắt được quả hay que chuyền sẽ mất lượt; đối phương sẽ được chơi. Tính thắng thua bằng tỉ số hoàn thành các ván.+ Tác dụng: khéo léo, nhanh tay, nhanh mắt, gắn kết, củng cố tinh thần đoàn đội, vui vẻ, hòa đồng.+ Ý nghĩa: nét đẹp văn hóa dân gian người Việt. |

**Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV**  | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh Thực hành viết theo các bước**- Gv chuyển giao nhiệm vụ+ GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.+ Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài.+ GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm (4 hs) thời gian 10 ph, tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập sau:Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn thuyết minh một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt độngGợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em (một trò chơi hoặc hoạt động)PHIẾU TÌM Ý

|  |  |
| --- | --- |
| Trò chơi hoặc hoạt động gì? |  |
| Diễn ra ở đâu? Lứa tuổi nào thường tham gia? | ........................ |
| Trò chơi hay hoạt động đó thực hiện như thế nào (dụng cụ, cách thức chơi)? | ........................ |
| Trò chơi hay hoạt động đó có luật gì? | ........................ |
| Trò chơi đó có tác dụng gì với con người? | ........................ |
| Trò chơi đó có ý nghĩa gì? | ........................ |

- Gv quan sát, hỗ trợ- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức **NV2: Hướng dẫn học sinh viết bài, sửa bài**- GV chuyển giao nhiệm vụ+ Y*êu cầu học sinh viết thành một bài văn hoàn chỉnh (ở nhà hoặc trên lớp)**+ Hướng dẫn dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết; sau đó dùng bảng kiểm để nhận xét bài của bạn*- Gv quan sát, hỗ trợ**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đổi chéo bài cho nhau, nhận xét, bổ sung co bạn dựa trên gợi ý sau:- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - HS tiếp nhận nhiệm vụ.- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi- HS trình bày sản phẩm thảo luận- HS tiếp nhận nhiệm vụ.- HS viết bài- HS trình bày sản phẩm - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. | **III. Thực hành viết theo các bước** **1. Trước khi viết**- Lựa chọn đề tài- Tìm ý- Lập dàn ý1. **Viết bài, chỉnh sửa bài viết**

- Dựa bào dàn ý viết thành một bài văn hoàn chỉnh- Cần đảm bảo đặc điểm của kiểu bài thuyết minh một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động |

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** |
| Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động | Nếu bài viết chưa giới thiệu được tên trò chơi hay hoạt động, hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia,... thì cần bổ sung. |
| Miêu tả rõ ràng quy tắc, luật lệ của trò chơi hay hoạt động | Bổ sung thông tin hoặc điều chỉnh các câu, đoạn cho mạch lạc. |
| Nêu được tác dụng, ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động | Nếu việc nêu tác dụng, ý nghĩa trò chơi hay hoạt động còn sơ sài hoặc chưa chính xác thì cần bổ sung hoặc điều chỉnh. |
| Đảm bảo yêu cầu chính tả, diễn đạt | Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... trong bài viết và chỉnh sửa. |

**NÓI VÀ NGHE**

**GIẢI THÍCH QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG MỘT TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:*Hãy liệt kê những trò chơi dân gian mà em đã từng được chơi.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở- HS thực hiện nhiệm vụ;**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận****-** Gv tổ chức hoạt động- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **Các trò chơi dân gian:** Trốn tìm, rồng rắn lên mây, ô ăn quan, nhảy dây, chơi chuyền, dung dăng dung dẻ, chi chi chành chành, … |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** |
| **Hoạt dộng 1: Chuẩn bị bài nói****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Gv chuyển giao nhiệm vụ*Giải thích về sự cần thiết của việc giải thích về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở- HS thực hiện nhiệm vụ;**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận****-** Gv tổ chức hoạt động- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung**Hoạt động 2: Trình bày bài nói****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Gv chuyển giao nhiệm vụ*+ GV yêu cầu các nhóm cử đại diện trình bày bài nói.**+ Gv quan sát hoạt động thảo luận của HS, kịp thời đưa ra những gợi dẫn và định hướng.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở- HS thực hiện nhiệm vụ;**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận****-** Gv tổ chức hoạt động- Hs báo cáo**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung**Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Gv chuyển giao nhiệm vụ*+ GV hướng dẫn HS xem kĩ phiếu đánh giá để nắm được những đòi hỏi cơ bản với người nghe, người nói, trước khi thực hiện việc trao đổi ý kiến*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở- HS thực hiện nhiệm vụ;**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận****-** Gv tổ chức hoạt động- Hs báo cáo**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **1. Trước khi nói**a. Chuẩn bị nội dung nói- Việc giải thích về quy tắc, luật lệ có ý nghĩa tích cực, giúp người tham gia có tâm thế thoải mái khi vào cuộc, giúp cho người chủ trì đảm bảo sự công bằng khi điều khiển.- Bài nói phải nêu được thật khái quát tính chất, ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động. Phần trọng tâm tập trung giải đáp các vấn đề về quy tắc, luật lệb. Luyện tập**2. Trình bày bài nói****a.** Mở đầuThu hút người nghe bằng thái độ hào hứngb. Triển khai- Trình bày theo dàn ý- Chú ý kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữc. Kết luậnKhẳng định sự thú vị của trò chơi**3. Sau khi nói** |
| **Hoạt động 3: Luyện tập** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Gv chuyển giao nhiệm vụ*Thực hành luyện nói và quay lại video gửi cho GV*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở- HS thực hiện nhiệm vụ;**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận****-** Gv tổ chức hoạt động- Hs báo cáo**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **HS quay video bài nói** |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Nội dung đánh giá** | **Mức độ đạt được** |
| **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** |
| Nội dung bài nói | Chọn được trò chơi hay hoạt động có quy tắc hoặc luật lệ thú vị để trình bày |  |  |  |
| Nêu sáng rõ được quy tắc, luật lệ và sự cần thiết tuân thủ chúng |  |  |  |
| Cách thể hiện | Nói có ngữ điệu phù hợp, biết nhấn giọng những chỗ cần thiết, biết nêu câu hỏi gợi mở |  |  |  |
| Dùng từ ngữ chính xác, gây ấn tượng, biết sử dụng kết hợp yếu tố phi ngôn ngữ và phương tiện ngôn ngữ |  |  |  |
| Sự tương tác | Nắm bắt chính xác sự chú ý của người nghe để thực hiện những điều chỉnh cần thiết; giải đáp rõ ràng thắc mắc của người nghe |  |  |  |